

Bản án số: 329/2018/HS-PT
Ngày 21 - 6 - 2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Trí Tuấn

Các Thẩm phán: Ông Phạm Công Mười
Ông Nguyễn Hữu Ba

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Minh Trang - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đức - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 179/2018/TLPT- HS ngày 09 tháng 4 năm 2018 đối với bị cáo Huỳnh Quốc D cùng đồng phạm. Do có kháng nghị của Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng và kháng cáo của bị hại là ông Nguyễn Tứ L đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 08/2018/HS-ST ngày 02/3/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

Các bị cáo bị kháng cáo, kháng nghị:

1/. Họ và tên: Huỳnh Quốc D (tên gọi khác: B), sinh ngày 25/8/1999; Nơi cư trú: đường T, Khóm N, Phường H, thành phố S; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; giới tính: Nam; Trình độ học vấn: 7/12; Nghề nghiệp: Không; Con ông: Huỳnh Minh Đ, sinh năm: 1966 và bà: Nguyễn Thị Mỹ L, sinh năm: 1966; Bị cáo chưa vợ, con; Tiền án: Không; Nhân thân: Vào ngày 14/8/2015, bị Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tuyên phạt 02 năm 06 tháng tù, về tội “Cướp tài sản”. Chấp hành xong hình phạt vào ngày 01/12/2016; Tiền sự: có 01 tiền sự là vào ngày 10/01/2017, bị Công an Phường 2, thành phố Sóc Trăng ra Quyết định xử phạt hành chính số tiền 375.000 đồng, về hành vi “sử dụng trái phép chất ma túy”. Bị cáo bị bắt để tạm giam từ ngày 12/5/2017 cho đến nay (có mặt tại phiên tòa).

2/. Họ và tên: Cao Văn Nh (Tên gọi khác: Không), sinh ngày: 10/10/1993; Nơi cư trú: đường B, Khóm C, Phường H, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; giới tính: Nam; Trình độ học vấn: 03/12; Nghề nghiệp: Không; Con ông: Cao Văn B (Chết); Con bà: Lê Thị Đ, sinh năm: 1968; Bị cáo

chưa vợ con; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt để tạm giam từ ngày 12/5/2017 cho đến nay (có mặt tại phiên tòa).

3/.Họ và tên: Trần Kim N (Tên gọi khác: R), sinh ngày: 23/01/2000; Nơi cư trú: Số 278/1/3, đường K, Khóm T, Phường H, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; giới tính: Nam; Trình độ học vấn: 09/12; Nghề nghiệp: Không; Con ông: Trần Ngọc Đ (Chết); Con bà: Lê Bích N, sinh năm: 1956; Tiền án: không; Tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt để tạm giam từ ngày 12/5/2017 cho đến nay (có mặt tại phiên tòa).

4/. Họ và tên: Châu Nhật M (Tên gọi khác: Không), sinh ngày: 28/6/2000; Nơi cư trú: đường K, Khóm T, Phường H, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; giới tính: Nam; Trình độ học vấn: 11/12; Nghề nghiệp: Không; Con ông: Châu Văn K (Chết); Con bà: Trần Thu V; Sinh năm: 1968; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt để tạm giam từ ngày 12/5/2017 cho đến nay (có mặt tại phiên tòa).

- *Người đại diện hợp pháp cho bị cáo Châu Nhật M:* Bà Trần Thị Thu V (Trần Thu V), sinh năm 1974; Địa chỉ: đường K, Khóm T, Phường H, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

Người bào chữa cho các bị cáo:

- *Người bào chữa cho bị cáo Huỳnh Quốc D:* Luật sư Nguyễn Văn Q - Văn phòng luật sư Q thuộc Đoàn luật sư tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

- *Người bào chữa cho bị cáo Cao Văn Nh:* Luật sư Võ Tuấn H - Văn phòng luật sư B thuộc Đoàn luật sư tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

- *Người bào chữa cho bị cáo Trần Kim N:* Luật sư Nguyễn Thanh D - Văn phòng luật sư V thuộc Đoàn luật sư tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

- *Người bào chữa cho bị cáo Châu Nhật M:* Luật sư Nguyễn Vĩnh P - Văn phòng luật sư N thuộc Đoàn luật sư tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

- *Người bị hại:* Ông Nguyễn Tứ L, sinh năm 1983. Địa chỉ: đường X, Khóm B, Phường N, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại: Ông Nguyễn Ánh Th và bà Nguyễn Thị H - Luật sư Văn phòng luật sư N, Đoàn luật sư Thành phố H (có mặt)

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

1- Ông Huỳnh Minh Đ, sinh năm 1966;

Địa chỉ: đường số H, , khóm C, phường H, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

2- Bà Lê Thị Đ, sinh năm 1968;

Địa chỉ: khóm D, phường H, thành phố Sóc T, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

3- Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1940;

Địa chỉ: đường B, Khóm T, phường H, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

4- Ông Lê Thành Đ, sinh năm 1963;

Địa chỉ: đường V, Khóm K, Phường N, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

5- Bà Trần Thị Thủy O, sinh năm 1978;

Địa chỉ: đường T, Khóm N, Phường H, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

6- Anh Nguyễn Nhật A, sinh năm 1999:

Địa chỉ: Khóm K, Phường H, thành phố Sóc T, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

7- Bà Tạ Thị B, sinh năm 1948;

Địa chỉ: Khóm K, Phường H, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

8- Bà Lê Bích N, sinh năm 1956;

Địa chỉ: đường T, Khóm T, Phường H, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

- *Người tham gia tố tụng khác:*

* *Người làm chứng:*

1- Bà Võ Thị Cẩm T, sinh năm 1989; Địa chỉ: đường P, Khóm E, Phường A, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

2- Ông Nguyễn Tứ L, sinh năm 1980: Địa chỉ: đường N, Khóm K, Phường 1, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

3- Ông Võ Thanh H, sinh năm 1961; Địa chỉ: Ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

4- Ông Lý D, sinh năm 1955(vắng mặt).

5- Bà Trần Thị P, sinh năm 1984(vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Sóc Trăng;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Huỳnh Quốc D, Cao Văn Nh, Trần Kim N và Châu Nhật M là bạn bè. Vào khoảng 02 giờ 30 phút ngày 03/5/2017, D điều khiển xe máy 83PT-264.05 chở Ng, M thì điều khiển xe máy 83PT-091.11 chở Nh cùng đi chơi trên đường H, thành phố S. Khi đến gần trụ sở Công an tỉnh Sóc Trăng, thì xe của D va chạm với xe của một người thanh niên, nên xảy ra cự cãi với nhau. Dũng lấy cây dao bấm mang theo sẵn trong người ra cầm trên tay cùng N và Nh, rượt đuổi đánh người thanh niên này. Ngay lúc đó, thì lực lượng Công an đến, nên D, Nh, N và M lên xe bỏ chạy về nhà của Nh ở hẻm số N, đường Q, thành phố S.

Khi về đến đầu hẻm nhà Nh, lúc này khoảng 03 giờ 30 phút, thì D, Nh, N và M đậu xe trước cửa tiệm tạp hóa dưới dốc cầu K, đường H để mua thuốc lá hút. Tại đây, D

mới rủ cả nhóm đi ra tuyến H chặn xe người khác để lấy tiền hoặc lấy điện thoại, bán tiêu xài, thì Nh, N và M đều đồng ý. Ngay sau đó, D điều khiển xe máy 83PT-264.05 chở N chạy trước hướng về thị trấn C và M điều khiển xe máy 83PT-091.11 chở Nh chạy theo sau. Khi M chở Nh chạy đến gần ngã ba A, thì Nh kêu M dừng xe, để cho Nh đi tiểu, rồi Nh lượm 01 cục gạch ống màu vàng cam, dài 18 cm, ngang 8 cm, có in chữ công ty H ở dưới đất cầm theo. Chạy được một đoạn, Nh nói cho M biết Nh lượm đem theo cục gạch ống, nhằm mục đích làm hung khí đi cướp tài sản. Khi cả nhóm chạy qua cầu T gần đến đoạn ngang cột điện số 477MT/242, thuộc ấp T, xã T, huyện C. Lúc này khoảng hơn 04 giờ sáng, thì D phát hiện ông Nguyễn Tứ L một mình điều khiển xe mô tô 83K1-5900 đi phía trước cùng chiều, D liền điều khiển xe chạy áp sát vào xe của ông L, rồi D dùng chân phải đạp vào bên trái xe của ông L, làm ông L té ngã, còn xe của D cũng bị mất thăng bằng và cày xuống mặt đường, nhưng không ngã. Thấy ông L ngã, D điều khiển xe quay lại và đậu xe gần chỗ ông L ngã khoảng hơn 01m, D kêu N ngồi trên xe chờ sẵn, nếu bị phát hiện, thì chở D chạy tẩu thoát, nên N ngồi trên xe vừa quan sát vừa canh đường. Còn D thì xuống xe đi lại nói chuyện và tạo có cớ cãi với ông L, nhằm mục đích tiếp cận, không chế ông L lấy tài sản. D lấy dao xếp dài 21,5 cm, phần cán dao bằng kim loại màu đen, chia làm 2 nhánh đều có chiều dài 12cm, phần lưỡi dao bằng kim loại dài 9,5cm, một bề sắc bén, một bề tà, đầu mũi dao sắc nhọn (cây dao này D vừa dùng tấn công người thanh niên va chạm xe của D) từ trong túi quần ra cầm bằng tay phải đánh một cái trúng vào bụng của ông L, D bật lưỡi dao ra đâm liên tiếp trúng vào cánh tay trái, khuỷu tay trái và ngực trái của ông L, D tiếp tục dùng chân đạp vào người ông L, làm ông L té ngã và D cũng trượt chân té ngã. Lúc này, M và Nh chạy đến, M ngồi trên xe quan sát, Nh thì xuống xe, cầm cục gạch ống bằng tay phải đi lại nắm tay kéo D đứng lên và ông L cũng đứng lên. D kêu ông L lấy tiền và tài sản ra đưa cho D, thì ông L nói là không có tiền, van xin D tha cho ông L, D tiếp tục kêu ông L lấy tiền và tài sản ra đưa cho D, nhưng ông L không đưa. Thấy vậy, Nh liền cầm cục gạch ống trên tay phải đánh vào đầu ông L 01 cái, do ông L có đội mũ bảo hiểm nên trúng vào mũ bảo hiểm. D tiếp tục cầm dao xông vào ông L, thì Nh can ngăn lại, D mới đi lại dựng xe của ông L lên và rút lấy chìa khóa xe, Nhi đi lại để xe của anh L ngã xuống lề đường. Lúc này, N thấy xe ô tô có đèn chớp và còi hú (xe cấp cứu) N tưởng là xe Công an chạy đến, nên N kêu D và Nh lên xe chạy. Sau đó, ông L được ông Võ Thanh H phát hiện và đưa đi cấp cứu.

Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 146 ngày 28/7/2017 của Trung tâm pháp y tỉnh Sóc Trăng, kết luận:

1. Dấu hiệu chính qua giám định:

- Sẹo phần mềm: Mặt sau cánh tay trái, kích thước: 1,5cm x 0,2cm; Khuỷu tay trái, kích thước: 01cm x 0,1cm. Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là: 02% (Hai phần trăm).

- Sẹo sâu sát da: Gối bên phải, kích thước: 2,5cm x 01cm; Gối trái, kích thước: 03cm x 02cm; Cổ bàn chân trái, kích thước: 2,5cm x 0,3cm; Mu bàn chân trái, kích thước: 2,5cm x 0,4cm. Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là: 03% (Ba phần trăm).

- Sẹo bị đâm gây thủng tim, phổi và sẹo phẫu thuật ở vùng ngực: Ngang ngực trái, kích thước: 04cm x 0,3cm; 20cm x 0,2cm; 02cm x 0,2cm; Xuôi giữa xương ức, kích thước: 19cm x 0,3cm và 02 sẹo nhỏ vùng thượng vị, kích thước: 01cm x 0,2cm và 01cm x 0,2cm. Siêu âm tim: Hẹp van 02 lá, hở van 03 lá. Chụp xquang tim – phổi: Đã hết tràn dịch tim và phổi. Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là: 40% và 26% (Bốn mươi phần trăm và hai mươi sáu phần trăm).

2. Tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên tính theo Thông tư số: 20/2014/TT-BYT, ngày 12 tháng 6 năm 2014 của Bộ Y tế hiện tại là: 58% (Năm mươi tám phần trăm).

3. Kết luận khác:

- Tổn thương cánh tay trái và ngực trái do vật sắc – nhọn gây nên.
- Tổn thương sâu sát da không xác định được vật gây thương tích.
- Tổn thương vùng ngực gây thủng tim, phổi là tổn thương gây nguy hiểm đến tính mạng.

Tại Kết luận giám định số 1569+1685/C54B ngày 20/7/2017 của Phân viện Khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh, kết luận:

- Không phân tích được kiểu gen hoàn chỉnh từ mẫu máu trên con dao gửi giám định nên không truy nguyên được cá thể;
- Không phát hiện dấu vết máu dính trên chiếc dép gửi giám định;
- Trên chiếc áo khoác gửi giám định có dính máu người. Phân tích kiểu gen (ADN) từ mẫu máu này cho kiểu gen trùng với kiểu gen của Nguyễn Tứ L;
- Lưu kiểu gen tại Phân viện Khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh – Bộ Công an.

Căn cứ vào kết luận giám định pháp y về thương tích: Tổng tỷ lệ tổn hại sức khỏe của bị hại Nguyễn Tứ L do thương tích gây nên là 58%. Do đó, hành vi phạm tội của các bị cáo đã phạm vào khoản 3 Điều 133 Bộ luật hình sự.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 08/2018/HS-ST ngày 02/3/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng đã quyết định:

Tuyên bố: Các bị cáo Huỳnh Quốc D (tên gọi khác B), Cao Văn Nh, Trần Kim N (tên gọi khác R) và Châu Nhật M phạm tội “Cướp tài sản”.

1- Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 133; Điểm b, p khoản 1 Điều 46; Điều 20; Điều 33; Điều 53; khoản 5 Điều 69 và khoản 1 Điều 74 Bộ luật hình sự năm 1999; (tương ứng điểm b khoản 3 Điều 168, Điều 17, Điều 38, Điều 58, Điều 9, Điều 101 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017) đối với bị cáo Huỳnh Quốc D (tên gọi khác B).

Xử phạt bị cáo Huỳnh Quốc D (tên gọi khác B) 09 năm tù (chín năm tù). Thời gian phạt tù tính từ ngày 12/5/2017.

2- Áp dụng Điểm a khoản 3 Điều 133; Điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 20; Điều 33; Điều 53 Bộ luật hình sự năm 1999 (tương ứng điểm b khoản 3 Điều 168, Điều 17, Điều 38, Điều 58, Điều 9, Điều 101 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017) đối với bị cáo Cao Văn Nh.

Xử phạt bị cáo Cao Văn Nh 12 năm tù (mười hai năm tù). Thời gian phạt tù tính từ ngày 12/5/2017.

3- Áp dụng Điểm a khoản 3 Điều 133; Điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 20; Điều 33; Điều 53; khoản 5 Điều 69 và khoản 1 Điều 74 Bộ luật hình sự năm 1999 (tương ứng điểm b khoản 3 Điều 168, Điều 17, Điều 38, Điều 58, Điều 9, Điều 101 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017) đối với bị cáo Trần Kim N (tên gọi khác R).

Xử phạt bị cáo Trần Kim N (tên gọi khác R) 07 năm tù (bảy năm tù). Thời gian phạt tù tính từ ngày 12/5/2017.

4- Áp dụng Điểm a khoản 3 Điều 133; Điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 20; Điều 33; Điều 53; khoản 5 Điều 69 và khoản 1 Điều 74 Bộ luật hình sự năm 1999 (tương ứng điểm b khoản 3 Điều 168, Điều 17, Điều 38, Điều 58, Điều 9, Điều 101 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017) đối với bị cáo Châu Nhật M.

Xử phạt bị cáo Châu Nhật M 05 năm tù (năm năm tù). Thời gian phạt tù tính từ ngày 12/5/2017.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo vụ án theo luật định.

Ngày 09/3/2018, ông Nguyễn Tứ L là người bị hại kháng cáo đề nghị Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh hủy Bản án hình sự sơ thẩm số 08/2018/HS-ST ngày 02/3/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng do đã bỏ lọt tội phạm để khởi tố, điều tra bổ sung các bị cáo về tội giết người.

Ngày 16/3/2018, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng kháng nghị yêu cầu áp dụng Điều 357 Bộ luật Tố tụng Hình sự sửa một phần Bản án hình sự sơ thẩm trên theo

hướng áp dụng Điều 91 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) quy định về nguyên tắc xử lý đối với người dưới 18 tuổi phạm tội đối với bị cáo Huỳnh Quốc D, Trần Kim N và Châu Nhật M; Áp dụng thêm Điều 18, khoản 3 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 1999 đối với các bị cáo Huỳnh Quốc D, Cao Văn Nh, Trần Kim N và Châu Nhật M.

Tại phiên toà phúc thẩm người bị hại giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đồng thời bổ sung xem xét phần bồi thường do khấu trừ khoản tiền công ty hỗ trợ.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên toà phúc thẩm đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của người bị hại, chấp nhận một phần kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

Bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị hại ông Nguyễn Ánh T cho rằng hành vi phạm tội của các bị cáo đã xâm hại đến hai khách thể được Bộ luật hình sự bảo vệ đó là tính mạng con người và quyền sở hữu về tài sản. Trong đó khách thể lớn nhất là tính mạng con người thì các cơ quan tố tụng bỏ lọt không xử lý. Trái với Nghị quyết số: 04/HĐTP ngày 29/11/1986 của Hội đồng thẩm phán Toà án nhân dân tối cao và án lệ số 01/2016/AL được Hội đồng thẩm phán thông qua ngày 06 tháng 4 năm 2016. Đề nghị Hội đồng xét xử huỷ án sơ thẩm để điều tra, khởi tố bổ sung các bị cáo về tội giết người.

Luật sư Nguyễn Thị H cũng cho rằng hành vi của các bị cáo đã xâm phạm đến hai khách thể được Bộ luật hình sự bảo vệ. Cấp sơ thẩm bỏ lọt hành vi giết người của các bị cáo. Không đưa công ty người bị hại đang làm việc vào tham gia tố tụng nhưng lại khấu trừ số tiền công ty hỗ trợ cho người bị hại là vi phạm nghiêm trọng tố tụng. Đề nghị Hội đồng xét xử huỷ bản án sơ thẩm.

Các bị cáo Huỳnh Quốc D, Cao Văn Nh, Trần Kim N, Châu Nhật M và người bào chữa cho các bị cáo là các luật sư Nguyễn Văn Q, Võ Tuấn H, Nguyễn Thanh D, Nguyễn Vĩnh P đề nghị hội đồng xét xử bác kháng cáo của người bị hại, xem xét kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi hội đồng xét xử tuyên án, trong hạn luật định, bị hại có đơn kháng cáo và Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng ban hành quyết định kháng nghị nên được đưa ra xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Tại phiên toà phúc thẩm các bị cáo và người bị hại thống nhất về hành vi phạm tội của các bị cáo, diễn biến sự việc xảy ra như bản án sơ thẩm mô tả, chỉ không thống nhất về việc định tội danh của cấp sơ thẩm. Có cơ sở kết luận: Khoảng 02 giờ ngày

03/5/2017, sau khi uống rượu xong bị cáo D điều khiển xe máy biển kiểm soát: 83PT – 264.05 chở N, M điều khiển xe máy biển kiểm soát 83PT – 091.11 chở Nh dạo chơi vòng thành phố S. Khi đến đường H thì xe của D va chạm với xe của một thanh niên và xảy ra đánh nhau. Bị cáo D, N và Nh rượt đánh người thanh niên này thì lực lượng cảnh sát bảo vệ mục tiêu Công an tỉnh Sóc Trăng ra giải quyết. D, N, Nh và M lên xe chạy về nhà của Nh rồi ghé tiệm tạp hoá dưới dốc cầu K để mua thuốc hút. Tại đây, bị cáo D rủ “đi ra tuyến H để chặn xe lấy tiền hoặc lấy điện thoại xài” thì các bị cáo Nh, N, M đều đồng ý. Bị cáo D tiếp tục chở N chạy trước, M chở Nh chạy sau hướng về thị trấn C, tỉnh Sóc Trăng. Khi đến gần ngã ba A thì Nh kêu M dừng xe để đi tiểu tiện rồi Nh lượm một cục gạch ống cầm theo. Đến khu vực ấp T, xã T thì D phát hiện anh Nguyễn Tú L điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 83K1 – 5900 đi cùng chiều với D. D điều khiển xe chạy áp sát vào xe của anh L và dùng chân đạp vào xe của anh L làm anh L té ngã, xe của D cũng bị mất thăng bằng và cày xuống mặt đường nhưng không ngã xe. Bị cáo D điều khiển xe quay lại, xuống xe nói chuyện với anh L và xảy ra cự cãi. Bị cáo lấy dao xếp (chưa bật lưỡi dao) từ trong túi quần ra cầm bằng tay phải đánh một cái trúng vào bụng của anh L. Bị cáo D tiếp tục bật lưỡi dao ra và cầm dao tay phải đâm liên tiếp trúng vào cánh tay trái, khuỷu tay trái và ngực trái của anh L. Bị cáo D tiếp tục dùng chân đạp vào cơ thể của anh L làm anh L té ngã, đồng thời D cũng bị trượt chân té ngã. Lúc này M và Nh chạy đến, Nh tay phải cầm cục gạch ống bước xuống xe đi lại nắm tay kéo D đứng lên, anh L cũng tự đứng lên. Bị cáo D kêu L lấy tiền đưa cho D thì anh L nói không có tiền, bị cáo Nh liền cầm gạch ống đánh vào mũ bảo hiểm của anh L đang đội trên đầu một cái. Bị cáo D cầm dao tay phải xông vào anh L thì Nh ngăn lại. Bị cáo D đi lại dựng xe của anh L lên và rút chìa khoá xe, bị cáo Nh đi lại để xe của anh L ngã xuống lề đường. Lúc này có xe cấp cứu chạy đến, sợ bị phát hiện nên D, Nh lên xe để N và M chở bỏ đi, còn anh L được ông Võ Thanh H đi tập thể dục ngang qua phát hiện và đưa đi cấp cứu. Tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên cho anh L là 58%.

Bị cáo D rủ rê các bị cáo còn lại đi cướp tài sản, thì tất cả đồng ý. Bị cáo D trực tiếp đạp xe để người bị hại té ngã, dùng dao đâm người bị hại, bị cáo Nh mặc dù có ngăn cản bị cáo D tiếp tục dùng dao đâm anh L nhưng cũng trực tiếp dùng gạch ống đánh vào nón bảo hiểm bị hại đang đội trên đầu, gây tổn hại sức khoẻ cho anh L 58%, nhằm chiếm đoạt tài sản của người bị hại.

Trong vụ án này các bị cáo đã cùng một lúc xâm phạm hai khách thể (bao gồm cả quan hệ tài sản và quan hệ nhân thân), khách thể bị xâm phạm trước là quan hệ nhân thân, thông qua việc xâm phạm đến nhân thân mà các bị cáo xâm phạm đến quan hệ tài sản (dùng vũ lực nhằm chiếm đoạt tài sản) nên các bị cáo phạm tội “cướp tài sản”.

Không có căn cứ cho rằng các bị cáo vừa phạm tội “cướp tài sản” vừa phạm tội “giết người” như kháng cáo của người bị hại và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị hại nêu.

Đối với tội cướp tài sản, hậu quả không phải là dấu hiệu bắt buộc của cấu thành tội phạm. Hậu quả của tội phạm chỉ là yếu tố định khung của hình phạt hoặc chỉ là tình tiết khi xem xét quyết định hình phạt.

Các bị cáo D, N, Nh và M với ý thức chiếm đoạt tài sản của người phạm tội trước khi thực hiện hành vi dùng vũ lực tấn công anh L, việc không chiếm đoạt được tài sản của anh L là ngoài ý muốn của các bị cáo.

Với hành vi và hậu quả các bị cáo D, N, Nh và M thực hiện. Toà án cấp sơ thẩm đã quy kết các bị cáo D, N, Nh, M phạm tội “cướp tài sản” theo khoản 3 Điều 133, đồng thời không áp dụng các Điều 18, khoản 3 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi bổ sung năm 2009 là có căn cứ, đúng pháp luật.

Đối với kháng nghị yêu cầu áp dụng Điều 91 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017) về nguyên tắc xử lý đối với người dưới 18 tuổi phạm tội. Thấy rằng, trong quá trình điều tra, truy tố xét xử bản án đã nêu đầy đủ và khoản 5 Điều 69, khoản 2 Điều 74 Bộ luật hình sự năm 1999, khi quyết định hình phạt, toà án cấp sơ thẩm đã xem xét đánh giá đầy đủ các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ hình phạt, nhân thân, vai trò của mỗi bị cáo trong vụ án để đưa ra mức hình phạt tương ứng cho từng bị cáo, mức hình phạt có phần chiếu cố cho các bị cáo chưa thành niên. Quyết định kháng nghị cũng không đề cập đến việc giảm án cho các bị cáo chưa đủ 18 tuổi nên không cần thiết ghi thêm vào phần quyết định.

Tại phiên toà phúc thẩm người bị hại bổ sung xem xét phần bồi thường do khấu trừ khoản tiền công ty hỗ trợ. Yêu cầu kháng cáo này của anh L vượt quá yêu cầu kháng cáo trong hạn luật định, ban đầu bất lợi đối với các bị cáo nên không xem xét.

Các vấn đề khác nêu trong kháng cáo và kháng nghị đã được đưa ra tranh luận tại phiên toà sơ thẩm được bản án sơ thẩm lập luận đầy đủ và có căn cứ pháp luật nên bản án phúc thẩm không đề cập lại.

Do đó, không chấp nhận kháng nghị số 08/QĐ – VKS –PT ngày 16/3/2018 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng và Kháng cáo đề ngày 09/3/2018 của người bị hại Nguyễn Tứ L về việc khởi tố bổ sung các bị cáo D, N, Nh và M về tội giết người.

Từ những phân tích trên;

Áp dụng khoản 1, khoản 2 Điều 355, Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự;

QUYẾT ĐỊNH:

Không chấp nhận đơn kháng cáo đề ngày 09/3/2018 của người bị hại Nguyễn Tứ L về việc yêu cầu huỷ án sơ thẩm do bỏ lọt tội phạm khởi tố điều tra bổ sung các bị cáo về tội “ giết người”.

Không chấp nhận kháng nghị số: 08/QĐ - VKS – ST ngày 16/3/2018 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Tuyên bố: Các bị cáo Huỳnh Quốc D (tên gọi khác B), Cao Văn Nh, Trần Kim N (tên gọi khác R) và Châu Nhật M phạm tội “Cướp tài sản”.

1. Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 133; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 20; Điều 33; Điều 53 Bộ luật hình sự năm 1999 đã được sửa đổi bổ sung năm 2009 đối với bị cáo Cao Văn Nh.

Xử phạt bị cáo Cao Văn Nh: 12 (mười hai) năm tù.

2. Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 133; điểm b, p khoản 1 Điều 46; Điều 20; Điều 33; Điều 53; khoản 5 Điều 69 và khoản 1 Điều 74 Bộ luật hình sự năm 1999 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009 đối với bị cáo Huỳnh Quốc D, Trần Kim N và Châu Nhật M.

2.1. Xử phạt bị cáo Huỳnh Quốc D: 09 (chín) năm tù.

2.2. Xử phạt bị cáo Trần Kim N: 07 (bảy) năm tù.

2.3. Xử phạt bị cáo Châu Nhật M 05 (năm) năm tù.

3. Thời hạn phạt tù với các bị cáo tính từ ngày 12/5/2017.

Các vấn đề khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực kể từ ngày hết kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao (1);
- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh (1);
- TAND tỉnh Sóc Trăng (1);
- VKSND tỉnh Sóc Trăng (1);
- Công an tỉnh Sóc Trăng (1);
- Sở tư pháp tỉnh Sóc Trăng (1);
- Cục THADS tỉnh Sóc Trăng (1);
- Trại tạm giam tỉnh Sóc Trăng (1);
- Bị cáo (4), bị hại (1); NCQLNVLQ (8);
- Lưu hồ sơ vụ án (3). 24b. (PMT).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Trí Tuấn

